TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST
Ngày 06 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Lê Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thái Thị M, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp LT, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H; cư trú tại: Ấp LT, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Thái Thị M trình bày: Vào ngày 11/01/2020, bà có cho ông Nguyễn Văn H mượn số tiền 6.000.000đ, khi mượn có hứa trả lãi, khi mượn không có làm biên nhận. Tuy nhiên, từ khi mượn đến nay ông H không trả tiền vốn, lãi cho bà, mặc dù bà có yêu cầu trả nhiều lần. Nay bà yêu cầu ông H trả số tiền 6.000.000đ.

Đối với ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông không có ý kiến gì đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Thái Thị M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền 6.000.000đ là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 11/01/2020, ông H có vay của bà M số tiền 6.000.000đ, khi vay không có làm biên nhận. Tuy nhiên, theo sự xác nhận của ông Nguyễn Văn N thì ông có chứng kiến việc bà M đưa cho ông H vay số tiền 6.000.000đ. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định bà M có cho ông H vay số tiền 6.000.000đ là thực tế có xãy ra.

Kể từ khi vay đến nay ông H không trả tiền cho bà M, mặc dù bà có yêu cầu nhiều lần. Mặt khác, hiện nay ông Hậu không có mặt ở địa phương. Như vậy, việc ông H không có mặt ở địa phương được xem là ông trốn tránh nghĩa vụ trả tiền cho bà M. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với ông H, mặc dù ông đã biết được nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà M, nhưng ông không có ý kiến. Như vậy, lời trình bày của bà M được xem là sự việc "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh" theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, ông Hậu đã thừa nhận khoản nợ của bà M.

[5] Xét về án phí dân sự: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị M.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị M số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà Thái Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1 Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

3.2. Bà Thái Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0012018 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh